

Số: 24 /2018/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về bổ sung đối tượng chính sách được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về cho vay đối với người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tiền Giang đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động thuộc diện chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ; người lao động theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ gồm: người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; lao động là người dân tộc thiểu số; lao động là thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ.

b) Người lao động thuộc diện chính sách theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang gồm:

- Người trong độ tuổi lao động thuộc diện mồ côi hoặc xuất thân từ các cơ sở bảo trợ xã hội.

- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an chưa có việc làm ổn định.

- Học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học chưa có việc làm ổn định.

- Thanh niên chưa có việc làm ổn định.

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

### **Điều 2. Mức vay**

1. Người lao động thuộc diện chính sách theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Quyết định này được vay với mức tối đa 100% chi phí theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp, trong đó 50 triệu đồng từ nguồn vốn Trung ương, phần còn lại từ nguồn vốn địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Người lao động thuộc diện chính sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Quyết định này được vay với mức tối đa 100% chi phí theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

### **Điều 3. Thời hạn, lãi suất và hình thức đảm bảo tiền vay**

1. Thời hạn vay: Không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp.

2. Lãi suất vay: Thực hiện theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - chi nhánh tỉnh Tiền Giang từng thời điểm.

3. Hình thức vay: Cho vay không đảm bảo tài sản.

#### **Điều 4. Các quy định khác**

Những nội dung khác liên quan đến việc vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Hàng năm, lập dự toán kinh phí vay vốn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cho vay, báo cáo định kỳ 06 tháng và năm về Ủy ban nhân dân tỉnh.

##### **2. Sở Tài chính**

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người lao động thuộc diện chính sách vay vốn theo quy định.

##### **3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tiền Giang**

a) Hướng dẫn người lao động hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục, kịp thời giải ngân nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ, xử lý nợ vay đảm bảo đúng quy định của pháp luật và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Định kỳ 06 tháng và cuối năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) về tình hình cho vay vốn hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung.

##### **4. Các cơ quan thông tin đại chúng**

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đề nghị Báo Ấp Bắc tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

##### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

Phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan tổ chức triển khai thực hiện việc cho vay theo Quyết định này.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Chi nhánh Ngân

hàng Chính sách xã hội Tiền Giang, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- VP Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ TP;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các H, TP, TX;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo Ấp Bắc, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: CVP, các PVP, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, KGVX (Hương).

13/28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Trần Chanh Đức*